

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2021/HNGĐ-ST**

Ngày: 29-10-2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Đài.

2. Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 994/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 994/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 20/2021/TB-TA ngày 15 tháng 7 năm 2021 và Thông báo thời gian địa điểm mở lại phiên tòa số: 19/TB-TA ngày 11/10/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Đường số 9, khu công nghiệp GĐ, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Lê Ngọc A, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 4, xã AV, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

(Bà G, ông A vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

Bà G và ông Lê Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã KP, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã với nhau. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Không ai còn quan tâm đến ai.

Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà G xin ly hôn với ông A.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 07/02/2013 và Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2015. Ly hôn, bà G xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Quá trình tố tụng tại Tòa án, tại Bản tự khai ngày 15/12/2020 bị đơn ông Lê Ngọc A trình bày:*

Ông A và bà Nguyễn Thị G tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2012 tại UBND xã KP, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà G thường xuyên bỏ nhà ra đi ở riêng nhiều lần. Nay bà G xin ly hôn thì ông không đồng ý.

Về con chung: Ông bà có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 07/02/2013 và Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2015. Ly hôn, ông A xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm:* Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị G. Cho bà G được ly hôn với ông Lê Ngọc A.

Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 07/02/2013 và Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2015 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà G phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc trường hợp

quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà G có đơn xin vắng mặt, ông A vắng mặt lần 02 không có lý do căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Ngọc A tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân xã KP, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà G xác định vợ chồng có mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Bà G kiên quyết xin ly hôn với ông A. Ông A xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng ông không đồng ý ly hôn. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông A đến Tòa án để làm việc, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xét xử nhiều lần nhưng ông A vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà G, ông A không còn không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà G, ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà G xin ly hôn với ông A là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà G, ông A có 02 người con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 07/02/2013 và Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2015. Ly hôn, bà G và ông A đều có nguyện vọng được nuôi hai con chung. Tuy nhiên, Tòa án yêu cầu bà G và ông A cung cấp tài liệu chứng cứ về điều kiện nuôi con thì chỉ có bà G giao nộp các tài liệu chứng cứ về nơi ở, hợp đồng lao động, bảng lương còn ông A không giao nộp gì. Hội đồng xét xử xét thấy hai cháu Trâm và Khánh còn nhỏ nên cần sự chăm sóc, nuôi dạy của mẹ nhiều hơn; nguyện vọng của cháu Trâm muốn ở với bà G nên giao hai cháu Trâm và Khánh cho bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà G không yêu cầu cấp dưỡng nên tạm thời ông A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6]. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà G phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Lê Ngọc A.

2. Về con chung: Giao 02 người con chung tên Lê Nguyễn Thùy Tr, sinh ngày 07/02/2013 và Lê Nguyễn Quốc Kh, sinh ngày 02/9/2015 cho bà Nguyễn Thị G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời ông Lê Ngọc A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Ngọc A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị G phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0006204 ngày 04/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà G đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã KP, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (Giấy CNKH số 61, quyền số 01/2012 ngày 26/4/2012);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN BÁ ĐỨC